

XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

PHẠM NHƯ NGHỆ*

Ngày nhận bài: 06/05/2016; ngày sửa chữa: 09/05/2016; ngày duyệt đăng: 12/05/2016.

Abstract: The article presents principles, contents and recommendations to build policies on vocational inter-college transfer training in order to bring opportunities for students who have Vocational Certificate to apply for upper education and improve quality of human resource in the context of international integration.

Keywords: Building policy, inter-college transfer training, vocational education.

Ngày 01/07/2015 Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) chính thức có hiệu lực thi hành. Cùng với giáo dục phổ thông, giáo dục đại học (GDĐH), GDNN đã có những đổi mới căn bản và toàn diện nhằm đào tạo nhân lực có kỹ năng, kiến thức và trách nhiệm nghề nghiệp. Luật Giáo dục nghề nghiệp [1] đã chỉ rõ “*Những người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề cùng ngành nghề đào tạo được dự thi tuyển sinh đào tạo liên thông lên trình độ cao đẳng và đại học theo quy định về đào tạo liên thông của Bộ GD-ĐT*”; Nghị quyết số 29-NQ/TW [2] cũng đã nhấn mạnh: “*Cần đẩy mạnh GDNN sau trung học phổ thông, liên thông giữa GDNN và GDĐH*”; Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2015/TT-BGDĐT [3] đã có những hướng dẫn đầy đủ về đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học. Như vậy, việc xây dựng một chính sách cho đào tạo liên thông là một việc làm cần thiết của các cấp, ngành quản lý để thực hiện yêu cầu cải cách học tập theo định hướng nhu cầu của người học, tạo cơ hội học tập suốt đời.

1. Khái niệm “chính sách”

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “Chính sách là những chuẩn tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Bản chất, nội dung và phương hướng của chính sách tùy thuộc vào tính chất của đường lối, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa...” [4]. Các chính sách có thể được đề ra và thực hiện ở những “tầng, nấc” khác nhau, từ các tổ chức quốc tế đến từng quốc gia, từ nhà nước đến các đơn vị, tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp,... nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra cho mỗi tổ chức đó và chúng chỉ có hiệu lực thi hành trong tổ chức đó. Chính sách được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền soạn thảo, ban hành

trên cơ sở các dữ liệu đầu vào của những người thực thi chính sách.

2. Các tiêu chí để xây dựng chính sách

Để chính sách có khả năng tác động tích cực vào các hoạt động đào tạo liên thông và các cơ sở đào tạo liên thông GDNN-GDĐH thì chính sách cần được xây dựng căn cứ vào các tiêu chí cụ thể sau đây:

- Thể hiện được chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển và đổi mới giáo dục, đảm bảo sự nhất quán để bổ sung cho nhau và cùng mang tính hướng đích.

- Khung chính sách phải bao quát các yếu tố của đào tạo liên thông GDNN-GDĐH, từ các yếu tố quản lý hệ thống, các yếu tố đầu vào, các yếu tố của quá trình đào tạo, các yếu tố đầu ra đến các yếu tố đảm bảo chất lượng đào tạo. Các yếu tố mang lại lợi ích cho nhiều người, cho mọi bộ phận, mọi cấp của hệ thống và của tổ chức.

- Hình thành được khung pháp lý tạo động lực cho các đối tượng có liên quan trong việc thực thi chính sách.

- Tạo được sự đồng thuận xã hội, tức là tạo được niềm tin và mong muốn của những người thực hiện; muốn vậy, phải huy động, khuyến khích những người thực hiện tham gia xây dựng chính sách. Khi ban hành phải thu thập “thông tin ngược” để nếu cần thiết có thể sửa đổi điều chỉnh cho phù hợp. Khung chính sách bao gồm những nội dung nhằm giải quyết các vấn đề chủ yếu của hệ thống và có khả năng thích nghi với những biến động của thực tiễn.

- Đảm bảo tính thực tiễn, khả thi, rõ ràng, cụ thể. Chính sách ban hành phải phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu bức xúc của xã hội, giải quyết được mâu thuẫn xã hội và được xã hội thực hiện để

* Bộ Giáo dục và Đào tạo

đạt được mục tiêu đề ra, đồng thời chính sách cũng phải thay đổi cho phù hợp với thực tiễn. Tính khả thi của chính sách phải xem xét trên nhiều bình diện, từ việc xác định nguyên nhân làm xuất hiện vấn đề chính sách đến lựa chọn thời điểm ban hành chính sách, các điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách. Định hướng những việc phải làm để hoàn thành những mục tiêu có thể đạt được và phương pháp đo lường được mức độ thành công hay thất bại. Như vậy, để đảm bảo tính khả thi, các chính sách phải căn cứ vào khả năng và điều kiện cụ thể của hệ thống giáo dục cũng như điều kiện KT-XH của đất nước.

- *Mang lại hiệu quả*, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản lí. Hiệu quả của chính sách là cơ sở để duy trì sự tồn tại và phát triển của quá trình KT-XH theo định hướng đã đề ra. Để mang lại hiệu quả, cần có sự phân tích và đánh giá chính sách một cách tổng hợp và các mối liên quan đến các chính sách khác cũng như giữa mục tiêu đề ra với những kết quả có thể mang lại khi thực hiện chính sách. Chính sách cần hướng tới tháo gỡ những mâu thuẫn của xã hội và có biện pháp tháo gỡ hữu hiệu, phù hợp với quy luật KT-XH nói chung và giáo dục nói riêng trong bối cảnh mới.

- *Cần có sự điều chỉnh cho phù hợp* giữa các chính sách và với thực tiễn hoạt động của cơ sở.

3. Nội dung xây dựng chính sách

Mục tiêu phát triển và nâng cao hiệu quả đào tạo liên thông GDNN-GDĐH đòi hỏi phải xây dựng một cơ cấu chính sách đồng bộ, cơ cấu này chứa đựng hầu hết những vấn đề cần thực thi, đó là khung chính sách. Có nhiều cách tiếp cận xây dựng khung chính sách khác nhau, tác giả xin đề xuất xây dựng khung chính sách theo 5 nhóm vấn đề chủ yếu sau:

3.1. Nhóm chính sách tác động đến quản lí, điều hành hệ thống:

- *Nhóm chính sách quy hoạch, kế hoạch đào tạo liên thông*: chiến lược phát triển đào tạo liên thông trung hạn và dài hạn, quy hoạch mạng lưới đào tạo liên thông, phát triển quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo liên thông.

- *Nhóm chính sách phối hợp quản lí hệ thống vĩ mô*: phân công, phối hợp quản lí vĩ mô, quản lí nhân lực và việc làm.

- *Nhóm chính sách thông tin thị trường và quản lí*: thống kê và phân tích số liệu, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, định hướng thị trường nhân lực.

- *Nhóm chính sách về tài chính*: đầu tư cho đào tạo liên thông, huy động các nguồn lực xã hội cho đào tạo liên thông, quản lí tài chính vĩ mô.

3.2. Nhóm chính sách tác động đến các yếu tố đầu vào:

- *Nhóm chính sách tuyển sinh*: ưu tiên về kết quả học tập tốt ở trình độ đầu vào liên thông và có kinh nghiệm thực tiễn; chính sách về tuyển sinh theo địa chỉ và theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- *Nhóm chính sách về đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo*: gắn đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp, áp dụng các chuẩn trong đào tạo, hợp tác giữa trường và doanh nghiệp trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo gắn với yêu cầu doanh nghiệp.

- *Nhóm chính sách đối với người dạy*: điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ cho giảng viên, việc giảng viên thực tập định kì tại doanh nghiệp, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lí giáo dục về đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

- *Nhóm chính sách về tài chính*: huy động các nguồn lực cho giáo dục, phối hợp và chia sẻ chi phí đào tạo, miễn, giảm chi phí cho người học thuộc diện chính sách, gia đình khó khăn, trợ cấp xã hội, học bổng cho người học theo yêu cầu của doanh nghiệp, học bổng ưu tiên cho người học có kết quả học tập tốt, thành lập quỹ tín dụng cho người học có hoàn cảnh khó khăn vay để học.

3.3. Nhóm chính sách tác động đến các yếu tố của quá trình đào tạo:

- *Nhóm chính sách về đổi mới phương thức đào tạo*: đào tạo theo phương thức module/ học phần và học chế tín chỉ gắn với việc làm, đào tạo theo năng lực thực hiện (competency-based training).

- *Nhóm chính sách về đổi mới tổ chức quá trình đào tạo*: thực tập tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ chức quá trình đào tạo liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp; phát triển ngành nghề, quy mô đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp.

- *Nhóm chính sách về đổi mới phương pháp dạy học*: vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập.

3.4. Nhóm chính sách tác động đến các biện pháp đảm bảo chất lượng:

- *Nhóm chính sách về kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo*: kiểm định cơ sở đào tạo, kiểm định chương trình đào tạo, phát triển hệ thống kiểm định chất lượng đào tạo, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng.

- *Nhóm chính sách về thanh tra, kiểm tra và cấp văn bằng chứng chỉ*: quy trình, hình thức giám sát, thanh tra; xử lý vi phạm pháp luật trong đào tạo.

- *Nhóm chính sách về đánh giá hiệu quả trong và ngoài*: tiêu chuẩn, quy trình đánh giá hiệu quả trong

và ngoài; khuyến khích trong đánh giá hiệu quả trong và ngoài.

3.5. Nhóm chính sách tác động đến các yếu tố đầu ra: Chính sách về công nhận văn bằng, chứng chỉ; chính sách về việc làm đối với người học sau khi tốt nghiệp; chính sách về lương và đãi ngộ đối với người học sau khi tốt nghiệp có kết quả học tập xuất sắc.

Những chính sách nêu trên có phạm vi tác động khác nhau đến các đối tượng. Có những chính sách chỉ tác động đến một loại đối tượng như: Chính sách về chế độ và điều kiện làm việc của các loại giảng viên chỉ tác động đến giảng viên, Chính sách thành lập quỹ tín dụng sinh viên nhằm hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập chỉ tác động đến đối tượng người học. Có những chính sách tác động đến hai loại đối tượng như: Chính sách đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp tác động đến cả nhà trường và doanh nghiệp; Chính sách về đào tạo theo phương thức module/ học phần và học chế tín chỉ tác động đến cả nhà trường và người học. Cũng có những chính sách tác động đến cả ba loại đối tượng như: Chính sách trợ cấp xã hội, học bổng cho sinh viên đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chúng đều cần thiết để tạo nên một tổng thể chính sách hài hòa có tác động đồng bộ đến toàn bộ các yếu tố của đào tạo từ đầu vào, quá trình và đầu ra cũng như tác động tới mọi loại đối tượng được hưởng thụ và thực thi chính sách.

* * *

Hội nhập vừa là thách thức vừa là cơ hội của mỗi quốc gia. Với việc xây dựng được những chính sách đúng đắn phát triển đào tạo liên thông GDNN-GDĐH sẽ góp phần đào tạo nguồn nhân lực có tri thức giỏi tay nghề và lí luận nhằm thúc đẩy Việt Nam có thể và lực mới để cạnh tranh trong sân chơi thương mại quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2015). *Luật Giáo dục nghề nghiệp*.
- [2] Ban chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Thông tư số 08/2015/TT-BGDĐT ngày 21/4/2015 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT*.
- [4] Nguyễn Văn Trương - Cù Huy Cận - Đặng Vũ Khiêu (2007). *Từ điển Bách khoa Việt Nam*. NXB Từ điển Bách khoa.

[5] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2009). *Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020*.

[6] Bộ GD-ĐT (2001). *Ki yếu Hội thảo xây dựng chương trình liên thông*.

[7] Bộ GD-ĐT (2002). *Quy định tạm thời về đào tạo liên thông*.

[8] Bộ Công nghiệp (2000). *Chiến lược đào tạo nhân lực phục vụ sự phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2010*.

[9] Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1999). *Khoa học tổ chức và quản lí - một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Thống kê.

Quản lí cơ sở vật chất và thiết bị...

(Tiếp theo trang 20)

kinh tế để thể hiện vai trò nhân tố huy động nguồn tài lực và nhân lực và vật lực cho việc QL, mua sắm, trang bị, sử dụng, sửa chữa và bảo quản CSV&TBTH; + *Năng lực QL và môi trường* để thể hiện vai trò “hạt nhân”, xử lí thông tin và tạo dựng môi trường QL CSV&TBTH.

* * *

Qua việc nghiên cứu lí luận QL CSV&TBTH ở trường cao đẳng, chúng tôi thấy, CSV&TBTH là điều kiện rất quan trọng và tất yếu không thể thiếu được trong quá trình DH, vai trò và những khả năng sư phạm của nó đã được lí luận khẳng định. Trong thực tiễn, các cấp QL, các nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư CSV&TBTH để khắc phục tình trạng thiếu thốn và chưa đạt chuẩn về CSV&TBTH trong các nhà trường, song so với nhu cầu chung của sự nghiệp phát triển thì vẫn chưa đáp ứng được. Việc đầu tư mọi nguồn lực để xây dựng và QL một hệ thống CSV&TBTH là việc làm cần thiết và cấp bách. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010* (Ban hành theo quyết định 201/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).
- [2] Phạm Khắc Chương (1998). *Đại cương về quản lí*. NXB Giáo dục.
- [3] Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục (1998). *Giáo dục Việt Nam vào thế kỉ XXI. Bối cảnh, xu hướng và động lực phát triển*. NXB Giáo dục.
- [4] Vũ Cao Đàm (2005). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [5] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2006). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Văn hóa - Thông tin.